

**MỘT SỐ DẪN LIỆU BƯỚC ĐẦU  
VỀ THÀNH PHẦN LOÀI CỦA HỌ Coriolaceae (Imazeki) Singer  
TẠI THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**NGÔ THỊ THÙY TRANG**

*Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế*

**NGÔ ANH**

*Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế*

Hương Thủy là một thị xã thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế, rộng 458,1749km<sup>2</sup>, bao gồm địa hình gò đồi và đồng bằng duyên hải với độ cao 300m trở xuống, nằm gọn trong vĩ độ nhiệt đới nên Hương Thủy chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới nóng ẩm gió mùa, nhiệt độ trung bình năm 25,2°C, lượng mưa trung bình năm từ 2.800-3.200mm, độ ẩm không khí trung bình: 83-84%, toàn thị xã có nhiều thảm thực vật tự nhiên và nhân tác là điều kiện thuận lợi cho hệ sinh vật nói chung và hệ nấm nói riêng có độ đa dạng cao nhưng vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ.

Họ Coriolaceae là một họ nấm lỗ chiếm ưu thế tuyệt đối ở Thừa Thiên Huế (78 loài) (Ngô Anh, 2000). Các loài thuộc họ Coriolaceae sống hàng năm, có mũ, trái sát giá thể cuộn ngược ra hoặc trái sát giá thể, thường mọc xếp lợp. Quả thể không cuống hoặc có gốc dính như cuống ngắn, mũ nấm dính bên, thường mỏng. Mặt trên mũ thường nhẵn, có lông nhung hoặc lông thô.

Mô quả thể bằng chất lie cứng và dai, mô màu nhạt, màu trắng, trắng nhạt, màu kem vàng, hiếm khi màu tím-nâu nhạt hoặc màu da cam, mô không đổi màu trong KOH.

Bào thể (hymenophore) thường dạng ống (poroid) nhỏ, đôi khi dạng gai không đều (irpicoid) hoặc dạng phiến (lamellate).

Hệ sợi nấm (hyphae system) gồm 2 hoặc 3 loại sợi nấm: Sợi nguyên thủy (generative hyphae) trong suốt, vách mỏng hoặc dày; sợi cứng (skeletal hyphae) trong suốt đến màu vàng nhạt, vách dày, hầu như đặc; sợi bên (binding hyphae) trong suốt, vách dày đến đặc.

Đảm (basidia) hình chùy, trong suốt.

Bào tử đảm (basidiospores) hình trụ đến hình elip hẹp, trong suốt, vách mỏng, nhẵn, nhỏ.

Nấm thuộc họ Coriolaceae thường hoại sinh (saprophytic) trên gỗ như: *Perenniporia medulla-panis*, *Gloeoporus conchoides*, *Perenniporia tenuis* var. *pulchella* hoặc ký sinh (parasitic) trên thực vật như *Trametes obstinata*, *Hexagonia subtenuis* gây ra mục trắng (white rot), những loài trong các chi *Deadalea*, *Fomitopsis*, *Gloeophyllum* và *Phaeolus* gây mục nâu (brown rot) và một số loài có giá trị làm dược liệu như: *Trametes hirsuta*, *Pycnoporus sanguineus*, *Pycnoporus cinnabarinus*,...

Vì vậy, nghiên cứu đa dạng nấm lớn nói chung và nấm họ Coriolaceae nói riêng ở đây nhằm xác định thành phần loài, bổ sung cho danh lục khu hệ nấm lớn Việt Nam là việc làm cần thiết và có ý nghĩa thiết thực.

## **I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

- Đối tượng nghiên cứu là các loài thuộc họ Coriolaceae phân bố ở thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Mẫu vật được thu thập ở một số địa điểm như: Thị trấn Phú Bài, phường Thủy Phương, phường Thủy Dương, các xã Thủy Vân, Dương hòa, Thủy Bằng, Phú Sơn và Thủy Phù.

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 9-2012 đến tháng 5-2013.

Thu thập, xử lý, phân tích và định loại nấm theo phương pháp của các tác giả Trịnh Tam Kiệt (2011) [3], Ryvarden và Gilbertson (1993).

## II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 1. Thành loài của họ Coriolaceae ở khu vực nghiên cứu

Sau quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã xác định được 34 loài thuộc 12 chi trong họ Coriolaceae và xếp danh lục như sau:

#### Danh lục thành phần loài họ Coriolaceae (Imazeki) Singer ở thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế

##### 1. Chi *Corioloopsis* Murr.

1. *Corioloopsis semilaccata* (Berk.) Teng

##### 2. Chi *Gloeoporus* Mont.

1. *Gloeoporus conchoides* Mont.

2. *Gloeoporus thelephoroides* (Hook.) Cunn.

\* 3. *Gloeoporus croceo-pallens* Bres.

##### 3. Chi *Hexagonia* Fr.

1. *Hexagonia apiaria* (Pers.) Fr.

2. *Hexagonia subtenuis* Berk.

##### 4. Chi *Hirschioporus* Donk

1. *Hirschioporus abietinus* (Didcs.) Donk

2. *Hirschioporus flavus* (Kl.) Teng

##### 5. Chi *Lenzites* Fr.

1. *Lenzites palisoti* (Fr.) Fr.

##### 6. Chi *Nigroporus* Murr.

1. *Nigroporus aratus* (Berk.) Teng

2. *Nigroporus durus* (Jüngl.) Murr.

3. *Nigroporus pubertalis* (Lloyd) Teng

##### 7. Chi *Perenniporia* Murr.

1. *Perenniporia subacida* (Pk.) Donk

2. *Perenniporia medulla-panis* (Fr.) Donk

\* 3. *Perenniporia tenuis* var. *pulchella* (Schw.) Lowe

##### 8. Chi *Piptoporus* P. Karst.

1. *Piptoporus belutinus* (Bull.) Karst.

##### 9. Chi *Poria* Pers.

1. *Poria* sp.

**10. Chi *Pycnoporus* Karst.**

1. *Pycnoporus sanguineus* (Fr.) Murr.
2. *Pycnoporus cinnabarinus* (Jacq.: Fr.) Karst.

**11. Chi *Spongipellis* Pat.**

1. *Spongipellis* sp.

**12. Chi *Trametes* Fr.**

1. *Trametes conchifer* (Schw.: Fr.) Pil.
  2. *Trametes cotonea* (Pat.&Har.) Ryv.
  3. *Trametes elegans* (Spreng.: Fr.) Fr.
  4. *Trametes gallica* Fr.
  5. *Trametes hirsuta* (Wulf.: Fr.) Pil.
  6. *Trametes menziesii* (Berk.) Ryv.
  7. *Trametes multicolor* (Scheaff.) Jülich
  - \* 8. *Trametes obstinata* Cke.
  9. *Trametes ostreiformis* (Berk.) Murr.
  10. *Trametes picta* Berk.
  11. *Trametes scabrosa* (Pers.) G.H. Cunn.
  12. *Trametes scopulosa* (Berk.) Bres.
  - \*13. *Trametes socotrata* Cooke
  14. *Trametes villosa* (Fr.) Kreisel
- (\* Loài mới cho khu hệ nấm lớn ở Việt Nam)

Nhận xét về thành phần loài:

- Thành phần loài thuộc họ Coriolaceae (Imazeki) Singer ở thị xã Hương Thủy rất phong phú, đến nay 34 loài thuộc 12 chi đã được ghi nhận như sau:

Bảng 1

Số loài của các chi trong họ Coriolaceae

TT	Tên chi	Số loài	Tỷ lệ %
1	<i>Coriopsis</i> Murr.	1	2,94
2	<i>Gloeoporus</i> Mont.	3	8,82
3	<i>Hexagonia</i> Fr.	2	5,89
4	<i>Hirschioporus</i> Donk	2	5,89
5	<i>Lenzites</i> Fr.	1	2,94
6	<i>Nigroporus</i> Murr.	3	8,82
7	<i>Perenniporia</i> Murr.	3	8,82
8	<i>Piptoporus</i> P. Karst.	1	2,94
9	<i>Poria</i> Pers.	1	2,94
10	<i>Pycnoporus</i> Karst.	2	5,89
11	<i>Spongipellis</i> Pat.	1	2,94
12	<i>Trametes</i> Fr.	14	41,17

- Trong 12 chi đã xác định thì chi chiếm ưu thế về số lượng loài là *Trametes* gặp 12 loài chiếm 41,17% tổng số loài đã xác định, 3 chi *Gloeoporus*, *Nigroporus* và *Perenniporia* gặp 3 loài chiếm 8,82%, các chi *Hexagonia*, *Hirschioporus* và *Pycnoporus* gặp 2 loài, chiếm 5,89%, 5 chi *Corioloropsis*, *Lenzites*, *Piptoporus*, *Poria* và *Spongipellis* gặp 1 loài, chiếm 2,94%.

- So sánh với các công trình của các tác giả đã công bố về thành phần loài thuộc họ Coriolaceae ở Thừa Thiên Huế và Việt Nam từ trước đến nay như sau:

+ “Danh lục các loài thực vật Việt Nam”, Trịnh Tam Kiệt (2001) có 122 loài thuộc 40 chi trong họ Coriolaceae.

+ “Thành phần loài nấm lớn ở Thừa Thiên Huế” Ngô Anh (2003) có 76 loài thuộc 26 chi trong họ Coriolaceae.

So sánh với các kết quả nghiên cứu về thành phần loài nấm thuộc họ Coriolaceae đã công bố ở Việt Nam, tại thị xã Hương Thủy chúng tôi đã gặp 30 loài nấm thuộc họ Coriolaceae trong tổng số 122 loài đã biết, chiếm 24,6%.

- Chúng tôi đã bổ sung 4 loài mới ghi nhận cho khu hệ nấm lớn ở Việt Nam gồm:

1. *Gloeoporus croceo-pallens* Bres.
2. *Perenniporia tenuis* var. *pulchella* (Schw.) Lowe
3. *Trametes obstinata* Cke.
4. *Trametes socotrata* Cooke

## 2. Nhận xét về vai trò và ý nghĩa kinh tế của các loài trong họ Coriolaceae ở khu vực nghiên cứu

Nấm thuộc họ Coriolaceae đa số hoại sinh (saprophytic) gây mục trắng (white rot) trên gỗ như: *Perenniporia medulla-panis*, *Gloeoporus conchoides*, *Perenniporia tenuis* var. *pulchella*...; có một số loài ký sinh (parasitic) trên thực vật như: *Trametes obstinata*, *Hexagonia subtenuis*. Ngoài tác hại phá hoại gỗ và kí sinh gây bệnh ở thực vật, một số loài trong họ Coriolaceae có giá trị làm dược liệu như: *Trametes hirsuta*, *Pycnoporus sanguineus*, *Pycnoporus cinnabarinus* [4]... Loài *Pycnoporus sanguineus* có chứa chất kháng sinh, vì vậy nhân dân một vài nơi dùng để chữa bệnh thối tai [3,4].

## 3. Mô tả các loài mới ghi nhận cho khu hệ nấm lớn ở Việt Nam

### 3.1. *Gloeoporus croceo-pallens* Bres.

Ryvarden L. & Jonhansen I., Prelim. Polypore Fl. East Africa p.355, 1980. [8]

Quả thể sống hằng năm, hình tai, thường lộn ngược hoặc cong gập lại, nhiều mũ xếp lợp nhau, dày đặc như nhựa cứng và dễ gãy khi khô.

Mũ nấm rộng lên tới 1cm, dài 4cm và dày 2mm ở gốc, bề mặt trên màu trắng đến kem, có lông tơ mượt ôm sát, không dai hoặc ít dai đồng tâm, mép mũ nhọn và mỏng.

Bề mặt ống nấm khi tươi có màu vàng chanh sáng, khi khô có màu vàng rom, màu cam, ống tròn, 7-8 ống/mm, ống nhỏ không thể nhìn thấy bằng mắt thường, ống chứa chất keo galetin, dễ tách khỏi khối mô khi tươi, khó khi khô, cùng màu với bề mặt ống, ống dài 0,5-1mm.

Mô nấm: Đặc, trắng nhạt, dày 1mm, tách khỏi lớp ống bằng một đường viền ngoằn ngoèo, sẫm màu và mỏng.

Bào tử hình cầu tròn, màu vàng nhạt, kích thước  $3,8 \times 5,06\mu\text{m}$ .

Giá thể: Nấm hoại sinh gỗ mục.

Phân bố: Loài *Gloeoporus croceo-pallens* phân bố ở Tanzania, Kenya, Indonesia và Việt Nam.



Hình 1. Hình dạng ngoài quả thể và bào tử của *Gloeoporus croceo-pallens* Bres.

### 3.2. *Perenniporia tenuis* var. *pulchella* (Schw.) Lowe

Gilbertson and Ryvardeen L., North Am. Polypores II, p.534, 1987 [6].

Ryvardeen L. & Gilbertson R.L. Eu. Polypores II, p.464, 1994 [7].

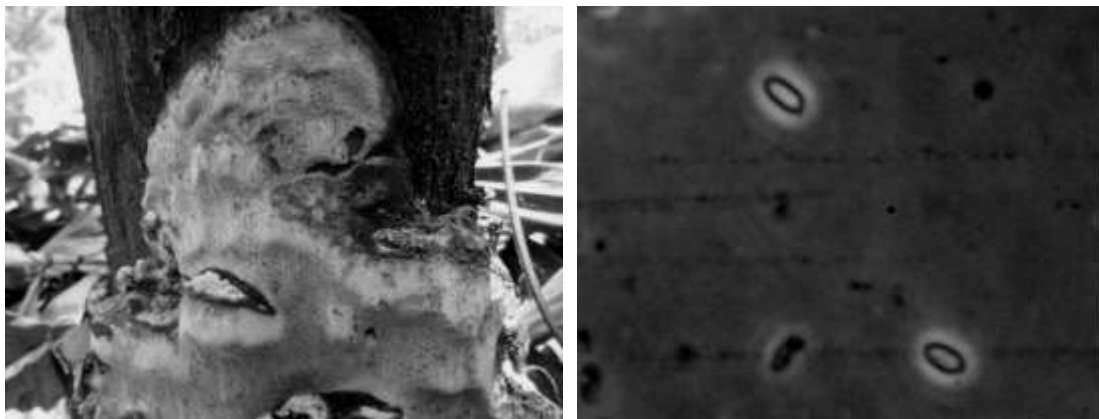
Quả thể sống hằng năm, bám sát giá thể, bề mặt ống vàng chanh sáng vàng cháy đến màu kem, ống tròn đến đa giác, có 4-5 ống/mm; ống dài 4mm, lớp sợi nền mỏng, hơi vàng đến màu kem, dày 3mm, lớp ống cùng màu với lớp sợi nền.

Đảm dạng chùy, có 4 cuống đỉnh, kích thước  $15-20 \times 7-8\mu\text{m}$ . Bào tử đảm hình elip, vách mỏng, trong suốt, nhẵn, kích thước  $3,8-5,06 \times 5,06-6,33\mu\text{m}$ .

Nấm gây hiện tượng mục trắng của gỗ và cây lá kim.

Giá thể: Phổ biến hoại sinh trên gỗ mục.

Phân bố: Phân bố rộng, ở Bắc Mỹ và Việt Nam.



Hình 2. Hình dạng ngoài quả thể và bào tử của *Perenniporia tenuis* var. *pulchella* (Schw.) Lowe

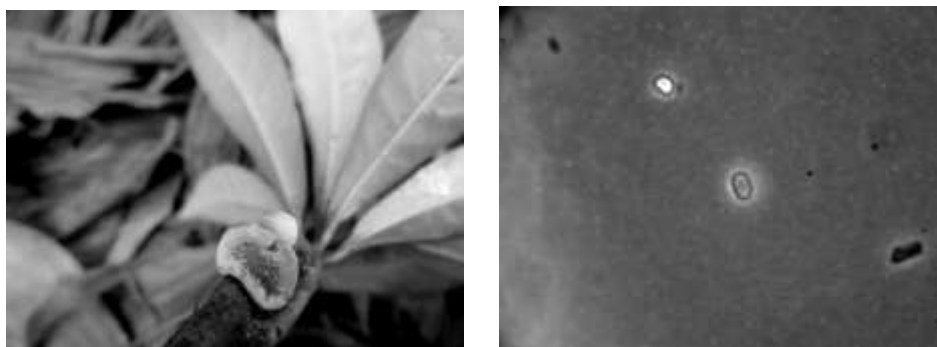
### 3.3. *Trametes obstinata* Cke.

Teng S.C., Fungi of China p.379, 1996. [9]

Mũ phẳng, cứng, hình nửa tròn, có màu nâu cho đến nâu da bò, mặt trên quả thể được phủ bởi lông tơ, kích thước rộng 3,5-6cm, dài 4-11cm, dày 0,25-0,6cm. Mô nấm màu da bò, dày 1-2mm; ống nấm bao quanh cùng màu da bò, dài 1-5 $\mu$ m, miệng nấm trùng màu, trung bình 4-5 ống/1 $\mu$ m, bào tử không màu, hình bầu dục kéo dài, kích thước 2,53  $\times$  3,8-6,33 $\mu$ m.

Giá thể: Nấm ký sinh trên thực vật.

Phân bố: Loài *Trametes obstinata* phân bố ở Trung Quốc và Việt Nam.



Hình 3. Hình dạng ngoài quả thể và bào tử của *Trametes obstinata* Cke.

### 3.4. *Trametes socotrata* Cooke

Ryvarden L.&Jonhansen I., Prelim. Polypore Fl. East Africa p.584, 1980 [8].

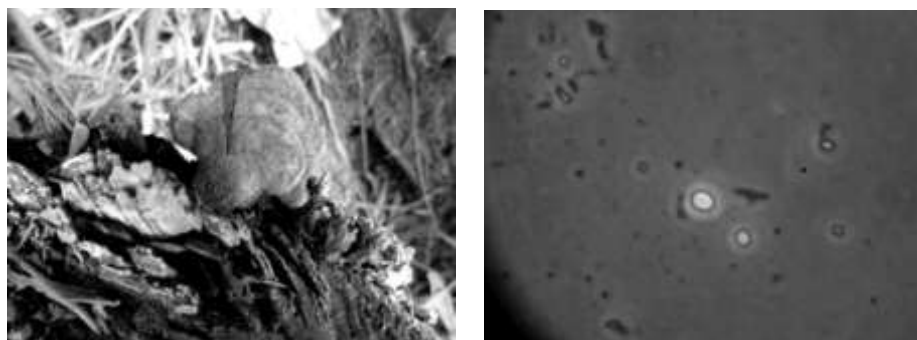
Quả thể sống hằng năm hay nhiều năm, có mũ, mọc đơn độc hoặc thành cụm, quả thể dạng bán khuyên, rộng 1-7cm, dài 10cm và dày 2-10mm. Mặt trên quả thể có lông nhung, không có đai. Bề mặt ống màu trắng, màu kem cho đến màu vàng rom, số ống 2-3/mm. Ống cùng màu với ống nấm, ống dài 6mm.

Mô nấm trắng cho đến màu kem, dày 3-4mm.

Bào tử hình trụ cho đến hình elip kéo dài, không màu, nhẵn, vách mỏng, kích thước 3,8  $\times$  6,33-7,59 $\mu$ m.

Giá thể: Nấm hoại sinh trên gỗ mục, thường ở các khu vực thoáng và mùa khô.

**Phân bố:** Loài *Trametes socotrata* phân bố chủ yếu ở Đông Phi và có thể tìm thấy ở Ethiopia, Kenya, Tanzania, Burundi, Malauy và Việt Nam.



Hình 4. Hình dạng ngoài quả thể và bào tử của *Trametes socotrata* Cooke

### III. KẾT LUẬN

1. Thành phần loài thuộc họ Coriolaceae ở thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế rất phong phú và đa dạng, đến nay 34 loài thuộc 12 chi trong họ Coriolaceae (Imazeki) Singer đã được ghi nhận.

2. Trong 12 chi đã xác định, chi *Trametes* chiếm ưu thế về số lượng với 14 loài chiếm 41,17% tổng số loài đã xác định.

3. Trong 34 loài đã được xác định, có 4 loài mới ghi nhận cho khu hệ nấm lớn ở Việt Nam: *Gloeoporus croceo-pallens* Bres, *Perenniporia tenuis* var. *pulchella* (Schw.) Lowe, *Trametes obstinata* Cke và *Trametes socotrata* Cooke.

4. Đa số các loài thuộc họ Coriolaceae (Imazeki) Singer là những loài hoại sinh gây mục trắng (*Perenniporia medulla-panis*, *Gloeoporus conchoides*, *Perenniporia tenuis* var. *pulchella*...) và mục nâu phá hủy gỗ ở rừng, nhà cửa và các công trình kiến trúc, di tích lịch sử; có một số loài ký sinh gây bệnh trên cây (*Trametes obstinata*, *Hexagonia subtenuis*); một số loài được dùng làm dược liệu (*Trametes hirsuta*, *Pycnoporus sanguineus*, *Pycnoporus cinnabarinus*...).

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Ngô Anh**, 2003. Nghiên cứu thành phần loài nấm lớn ở Thừa Thiên Huế, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học tự nhiên-Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. **Ngô Anh**, 2003. Sự đa dạng thành phần loài khu hệ nấm lớn ở tỉnh Thừa Thiên Huế, Tạp chí Sinh học tập 25.
3. **Trịnh Tam Kiệt**, 2011, 2012. Nấm lớn ở Việt Nam, Tập I, II, NXB. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
4. **Ngô Anh**, 2000. Nghiên cứu họ Coriolaceae Sing. ở Thừa Thiên Huế, Tạp chí Sinh học tập 22 (3b), tr. 8-12.
5. **Trịnh Tam Kiệt và các tác giả**, 2001. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
6. **Gilbertson R.L. & Ryvarden L.**, 1986, 1987. North American Polypores Volume 1,2. Oslo-Narway.
7. **Gilbertson R.L. & Ryvarden L.**, 1993, 1994. European Polypores Part 1&2 Oslo-Narway.
8. **Ryvarden L. & Jonhansen I.**, 1980. A preliminary polypore flora of East Africa. Oslo-Narway.
9. **Teng S.C.**, 1996. Fungi of China, New York.
10. **Walter Jülich**, 1981. Higher Taxa of Basidiomycetes, Strauss&Gamer GmbH, Germany.

### PRELIMINARY DATA ON THE FAMILY Coriolaceae (Imazeki) Singer IN HUONG THUY TOWN, THUA THIEN HUE PROVINCE

NGO THI THUY TRANG, NGO ANH

### SUMMARY

The species diversity of the *Coriolaceae* in Huong Thuy town, Thua Thien Hue province is very high. We identified 34 species belonging to 12 genera of the family *Coriolaceae*. The most dominant genus is *Trametes*, including 14 species or 41.17% of the total determined species. Four species (*Gloeoporus croceo-pallens* Bres, *Perenniporia tenuis* var. *pulchella* (Schw.) Lowe, *Trametes obstinata* Cke và *Trametes socotrata* Cooke.) are new species to the macromycoflora of Viet Nam. Most of the species in the *Coriolaceae* are saprophytic species causing white-rot (*Perenniporia medulla-panis*, *Gloeoporus conchoides*, *Perenniporia tenuis* var. *pulchella*,...) and brown-rot, destroying wood of houses, structures and heritages. Some of them are parasitic species causing serious diseases on plants (*Trametes obstinata*, *Hexagonia subtenuis*). Some other are medicinal mushrooms species (*Trametes hirsuta*, *Pycnoporus sanguineus*, *Pycnoporus cinnabarinus*,...).